

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày: 10/3/2022

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

+ Ngày 13/01/2016, Công an huyện L, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Ngày 07/9/2017 TAND thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 17/9/2019 đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của Bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (có mặt).

2. Trần Ngọc T, sinh năm 1983; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Trần Ngọc Á và bà Trần Thị L; có vợ là Trần Thị H và 3 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 14/12/2021 Công an xã Đ, huyện B xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, đến nay chưa chấp hành.

Đặc điểm nhân thân:

+ Ngày 08/4/2005, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, thời gian 24 tháng.

+ Ngày 14/6/2010, TAND tỉnh Hà Nam xử phạt 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Ngày 23/5/2016, TAND thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 05/7/2019 đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của Bản án.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26/12/2021, chuyển tạm giam từ ngày 29/12/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (có mặt).

* **Bị hại:** Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà xxx, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Trần Hữu T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 24/12/2021, Lê Trọng T đến nhà Trần Ngọc Th chơi và rủ Th đi trộm cắp tài sản thì Th đồng ý. Th đi mượn 01 chiếc xe mô tô màu xanh (không nhớ biển kiểm soát) của người đàn ông tên L đang bắt chuột tại cánh đồng gần nhà Th. T điều khiển xe mô tô chở Th đi đến thôn A, xã A thì rẽ vào cửa hàng của chị Trần Thị H mua nợ 40.000 đồng tiền xăng rồi đi tiếp. Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực trang trại nhà anh Nguyễn Thế H nghe có tiếng chó sủa nên quan sát xung quanh, thấy trang trại không có người, T rủ Th vào bắt trộm chó. T để xe mô tô ở khu vực nghĩa trang xã A rồi cùng Th đi lúi búi vào bên trong sân trang trại. Th thấy 01 con chó giống đực, dạng chó ta, màu lông đen xám đang xích ở sân nên đến gần con chó, dùng tay tháo xích, ôm con chó. T lấy 01 bao tải màu trắng xanh trong sân trang trại, mở miệng bao để Th bỏ con chó vào bao. Sau đó cả hai cùng đi ra chỗ khu vực nghĩa trang, Th lấy xe mô tô chở T ngồi sau ôm chiếc bao tải đựng con chó đến nhà anh Trần Hữu T1 bán con chó cho anh T1 được 840.000 đồng. Số tiền này T và Th trả cho chị H 40.000 đồng, còn lại 800.000 đồng đã chia nhau và chi tiêu cá nhân. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Th trả xe mô tô cho người đàn ông tên L.

Ngày 25/12/2021 anh Nguyễn Thế H có đơn trình báo và giao nộp cho lực lượng Công an đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử gồm: 01 (một) USB màu bạc đã cũ, trên thân USB có dòng chữ Kington; kiểm tra dữ liệu trong USB có 01 đoạn video độ dài 1 phút 38 giây, bắt đầu từ 12 giờ 25 phút 02 giây ngày 24/12/2021 đến 12 giờ 26 phút 40 giây. 07 (bảy) hình ảnh ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, trên các hình ảnh có chữ ký, ghi họ tên anh Nguyễn Thế H.

Ngày 26/12/2021, Trần Ngọc Th đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân và đồng phạm. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Ngọc Th, quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Trên cơ sở lời khai của Th, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thu giữ của anh Trần Hữu T1: 01 (một) con chó màu đen xám, nặng 12kg; 01 (một) bao tải màu trắng xanh, kích thước (83 x 52)cm, trên bao tải có chữ “GreenCare”.

Ngày 26/12/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện B yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định trị giá 01 (một) con chó giống đực, loại chó ta, màu lông đen xám, khối lượng 12kg. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐG ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Trị giá của 01 (một) con chó giống đực, còn sống, loại chó ta, màu lông đen xám, khối lượng 12kg là 1.140.000 đồng (*Một triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Ngày 28/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Trọng T, Trần Ngọc Th về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lê Trọng T và Lệnh tạm giam đối với Trần Ngọc Th.

Tại Cáo trạng số 11/CT - VKS - SH ngày 26/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố: Trần Ngọc Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Lê Trọng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Trọng T. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc Th. Áp dụng các Điều 287, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Tuyên các bị cáo Lê Trọng T, Trần Ngọc Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo T từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù. Xử phạt bị cáo Th 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Trọng T, Trần Ngọc Th; mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh Trần Hữu T1 420.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Th, T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình như nội dung vụ án đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Ngày 24/12/2021, các bị cáo Trần Ngọc Th và Lê Trọng T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó có trị giá 1.140.000 đồng của anh Nguyễn Thế H tại trại của anh H thuộc địa bàn thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Mặc dù tài sản các bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, nhưng tại thời điểm phạm tội bị cáo Th đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” nhưng chưa chấp hành nên Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo T đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích nên T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Th được hưởng thêm tình tiết “*Đầu thú*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[4] Đánh giá vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, bị cáo T là người chủ động khởi xướng nên phải chịu vai trò thứ nhất; bị cáo Th cùng thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ hai.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân. Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt hành chính và xử phạt tù về các hành vi vi phạm pháp luật. Nay các bị cáo phạm tội; Hội đồng xét xử thấy phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét đến vai trò, thái độ ăn năn hối cải, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của mỗi bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh tài sản đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và các đồ vật, tài liệu, tài sản đã tạm giữ: Đối với con chó và bao tải màu trắng xanh là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Thế H, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho anh H là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 USB màu bạc đã cũ, trên thân USB có dòng chữ Kington và 07 hình ảnh ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, trên các hình ảnh có chữ ký, ghi họ tên anh Nguyễn Thế H là các tài liệu hình ảnh có liên quan đến vụ án, được lưu trong hồ sơ tại các bút lục số 29-35, 37.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị cáo T, Th chấp nhận bồi thường dân sự 840.000 đồng như anh Trần Hữu T1 yêu cầu. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị cáo Th, T cùng phải bồi thường cho anh T1 và được chia theo phần; cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho anh T1 số tiền = 840.000 đồng : 2 = 420.000 đồng.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Tình tiết khác của vụ án: Đối với anh Trần Hữu T1 đã mua con chó của Th và T với giá 840.000 đồng thì anh T1 không biết con chó này là do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Tài liệu điều tra xác định chiếc xe mô tô mà các bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản ngày 24/12/2021 là do Th mượn của người đàn ông tên L, Th không nhớ

biên kiểm soát của xe, không biết địa chỉ cụ thể của người đàn ông tên L. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã khám xét nhà ở của Th và tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để truy tìm chiếc xe mô tô, nhưng đến nay chưa có kết quả.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Trọng T.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc Th.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng các Điều 287, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Trọng T, Trần Ngọc Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. - Xử phạt bị cáo Lê Trọng T **01** (một) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (28/12/2021).

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Th **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (26/12/2021).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Trọng T, Trần Ngọc Th; mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh Trần Hữu T1 420.000 đồng.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Trọng T, Trần Ngọc Th; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Trọng T, Trần Ngọc Th; mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại là anh H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh T1 biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định đối với anh H và tại trụ sở UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam đối với anh T1.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã An Ninh, huyện B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng

(đã ký)